

ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC FTA TRONG ASEAN VÀ ASEAN + 6

Từ Thúy Anh*, Lê Minh Ngọc**

Ngày nhận: 30/9/2015

Ngày nhận bản sửa: 15/10/2015

Ngày duyệt đăng: 25/10/2015

Tóm tắt:

Bài viết sử dụng hai chỉ số thương mại là Lợi thế so sánh hiện hữu (RCA) và Định hướng khu vực (RO) để đánh giá tác động kinh tế của AFTA và RCEP đối với các ngành hàng của Việt Nam được mã hóa HS 2 chữ số. Nhiều ngành hàng có lợi thế so sánh hiện hữu đã và đang hưởng lợi từ AFTA, và sẽ tiếp tục hưởng lợi từ RCEP như Ngũ cốc (mã HS là 10), Cao su (40), Hàng dệt kim (60)... Đáng chú ý là một danh mục mặt hàng Việt Nam có lợi thế so sánh và có thể hưởng lợi từ tác động tạo lập thương mại chỉ khi Việt Nam tham gia RCEP như Sản phẩm xay xát (11), Vật liệu thực vật dùng để tết bện (14), Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ (44)... Một số ngành hàng mặc dù có lợi thế nhưng vẫn chưa tìm được chỗ đứng trên thị trường RCEP và cần được quan tâm thích đáng để tận dụng ưu đãi được từ RCEP, như Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa (19), hay Xơ sợi staple nhân tạo (55).

Từ khóa: hiệp định thương mại khu vực, liên kết kinh tế khu vực, FTA, ASEAN, RCEP, đánh giá tác động, chỉ số thương mại.

Trade creation or trade diversion in ASEAN and ASEAN +6 FTAs: Trade indicators approach

Abstract

This paper makes use of two trade indicators, Revealed Comparative Advantage (RCA) and Regional Orientation (RO), to evaluate the economic impacts of AFTA and RCEP on Vietnamese commodities at HS 2-digit level. Several sectors in which Vietnam has revealed a comparative advantage, has benefited from AFTA, and would continue to enjoy trade creation from the RCEP, are: Cereals (10), Rubber (40), Knitted or crocheted fabric (60), etc. There is a list of commodities in which Vietnam has a comparative advantage and only experiences trade creation when participating in the RCEP. These are milling products, malt, starches, inulin, wheat gluten (11), vegetable plaiting materials, vegetable products (14), wood and articles of wood, wood charcoal (44), etc. The findings also show commodities in which Vietnam has a comparative advantage; but are not well positioned in the RCEP market yet, including cereal, flour, starch, milk preparations and products (19), and manmade staple fibres (55). If sufficient investment decisions and marketing strategies are applied to these commodities, they will well penetrate the RCEP market and bring trade creation and welfare improvement to Vietnam.

Keywords: Regional trade agreement; ASEAN; RCEP; impact assessment; trade indicators.

1. Giới thiệu

Hội nhập kinh tế, một cách chung nhất, được hiểu là quá trình gồm nhiều cấp độ trong đó một nhóm các nước dần dần liên kết và thống nhất các chính sách kinh tế với nhau. Mục tiêu của hội nhập kinh tế có thể là hạ thấp các hàng rào thương mại và những

cản trở kinh tế khác giữa các nước trong nhóm, từ đó mở rộng thị trường và thương mại, hạ giá thành và cải thiện năng lực cạnh tranh bằng việc giảm chi phí đầu vào và phát huy tính kinh tế theo quy mô.

Khu vực thương mại tự do (FTA) là một cấp độ của hội nhập kinh tế, trong đó các nước thành viên

xóa bỏ hàng rào đối với thương mại nội khối trong khi đó mỗi nước thành viên vẫn tiếp tục duy trì những hàng rào riêng tư định sẵn đối với các nước bên ngoài không phải là thành viên của khối. Các thành viên của một FTA có thể áp dụng chính sách xóa bỏ hàng rào thương mại đối với tất cả các loại hàng hóa, hoặc với một danh mục hàng hóa xác định.

Khu vực Đông Á hay Đông Á mở rộng (trong bài viết này được hiểu là bao gồm các nước ASEAN và tất cả các đối tác FTA của ASEAN, gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc và New Zealand) được xem là khá chậm trễ trong việc tham gia vào xu hướng liên kết khu vực, nhưng từ năm 2000 trở đi, Đông Á này trở thành một trong những khu vực năng động nhất trong việc phát triển mạng lưới FTA. Đối với Việt Nam, hai FTA khu vực quan trọng là AFTA đang được thực thi và RCEP đang đàm phán.

Như Plummer & cộng sự (2010) đã trình bày, có nhiều phương pháp để đánh giá tác động của FTA: chỉ số thương mại, mô hình cân bằng từng phần, mô hình cân bằng tổng quát, các phân tích kinh tế lượng,... Bài viết này sử dụng phương pháp cơ bản nhất là tính toán các chỉ số thương mại để đánh giá những tác động của AFTA và RCEP tới Việt Nam ở cấp độ ngành sản xuất. Mục đích của nghiên cứu là xác định những mặt hàng/ngành hàng mà Việt Nam cần quan tâm chú ý trong quá trình đàm phán và tham gia RCEP. Cấu trúc bài viết gồm 6 phần. Phần 2 mô tả sự phát triển các FTA trong khu vực. Phần 3 cung cấp lý thuyết chung về tác động FTA. Phần 4 giới thiệu phương pháp đánh giá FTA bằng cách sử dụng chỉ số thương mại. Phần 5 trình bày các kết quả đánh giá tác động AFTA và RCEP đối với Việt Nam. Phần 6 thảo luận về những hàm ý chính sách và các kết luận của nghiên cứu.

2. Sự phát triển nở rộ FTA ở khu vực Đông Á

Ở Đông Á, ASEAN đã có những nỗ lực không ngừng trong việc dành vị trí “đầu tàu” dẫn dắt tiến trình hội nhập kinh tế ở Đông Á (Kimura, 2010, 45). Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA) bắt đầu có hiệu lực từ tháng 01 năm 1993. Giờ đây ASEAN đang thúc đẩy hội nhập sâu hơn nữa theo khuôn khổ mang tên Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC).

ASEAN còn hướng liên kết ra bên ngoài và hiện nay ASEAN đang thực hiện 5 hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với từng đối tác Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc và New Zealand một cách riêng rẽ, các hiệp định này hay được biết đến là các hiệp định thương mại tự do ASEAN+1.

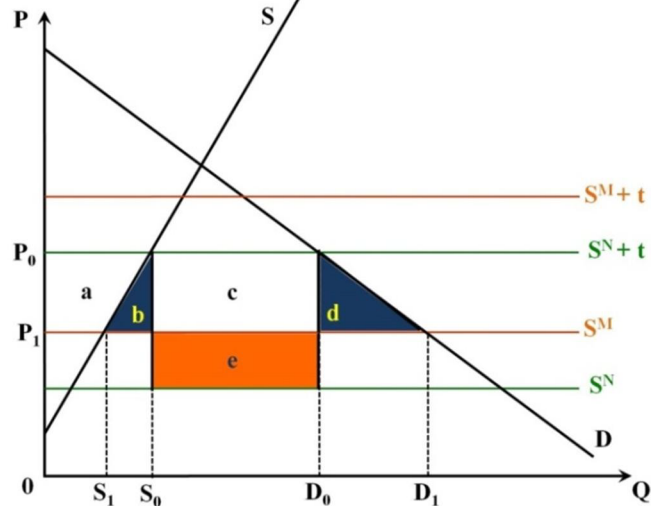
Hơn thế nữa, ASEAN còn muốn tiến xa hơn nữa trong việc thúc đẩy một hiệp định toàn diện bao trọn toàn ASEAN và tất cả các nước đối tác. Một hiệp định toàn diện như vậy được gọi tên là Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện (Regional Comprehensive Economic Partnership – viết tắt là RCEP), đã được khởi động đàm phán tại Hội nghị thượng đỉnh Đông Á tháng 11/2012.

Nếu RCEP được hình thành, khối này trước hết sẽ bao gồm 16 nước, chiếm hơn 45% dân số thế giới, đóng góp khoảng 1/3 GDP thế giới, và chiếm xấp xỉ 30% xuất khẩu thế giới (WEF, 2014, 33). RCEP cho phép các quốc gia khác tham gia sau khi hiệp định hình thành và không cấm các thành viên gia nhập các nhóm thương mại tự do khác. Mục tiêu đàm phán RCEP hướng tới là một hiệp định đối tác kinh tế hiện đại, toàn diện, chất lượng cao và đem lại lợi ích cho tất cả các bên tham gia. Phạm vi của hiệp định sẽ bao gồm mọi vấn đề về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, hợp tác kinh tế và kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, giải quyết tranh chấp... Với tư cách là một FTA cho toàn khu vực, RCEP được kỳ vọng là sẽ hạn chế tối đa tác hại từ hiệu ứng tô mì. Tuy vậy, việc hình cấu trúc RCEP sẽ gặp thách thức lớn khi các phương thức giảm thuế và quy định về quy tắc xuất xứ của các hiệp định thương mại tự do ASEAN+1 có nhiều khác biệt. Lý tưởng nhất là các quy định về quy tắc xuất xứ trong các hiệp định ASEAN+1 được hài hòa hóa – từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển chuỗi giá trị khu vực Đông Á. Việc hài hòa các quy định này phải theo hướng đưa ra những quy tắc xuất xứ thoáng hơn và giảm thiểu chi phí do sự phức tạp của các quy tắc xuất xứ gây ra (Medalla, 2011, 26).

3. Lý thuyết chung về tác động của FTA

Khái niệm *tạo lập thương mại* và *chuyển hướng thương mại* – được phát triển bởi Viner (1950) – nay được sử dụng phổ biến khi phân tích tác động của việc hội nhập tới các nước thành viên, các nước phi thành viên và toàn bộ nền kinh tế thế giới. Tác động phúc lợi của hội nhập kinh tế là không rõ ràng và tùy trường hợp bởi vì việc hình thành một khối liên kết kinh tế vừa là một bước tiến tới thương mại tự do (giữa các thành viên), nhưng đồng thời cũng tương đương với chính sách bảo hộ (đối với những nền kinh tế phi thành viên). Yếu tố “tự do hóa thương mại” của việc hội nhập được gọi là *tạo lập thương mại*. Trong khi đó, yếu tố “phân biệt đối xử và bảo hộ đối với thương mại” của việc hội nhập được gọi là *chuyển hướng thương mại*. Khái niệm này ý chỉ việc chuyển hướng của luồng thương mại từ các nền kinh tế phi thành viên sang các nền kinh tế thành viên, gây ra bởi tính chất phân biệt đối xử vốn có

Hình 1: Tác động tới phúc lợi của việc hình thành một – Trường hợp nước nhỏ



của bất kỳ khối liên kết kinh tế nào. Nếu tác động tạo lập thương mại vượt trội hơn tác động chuyển hướng, việc hội nhập sẽ làm tăng phúc lợi của các nền kinh tế thành viên, và ngược lại.

Hình 1 minh họa tác động tới phúc lợi của một nước nhỏ khi tham gia một khối liên kết kinh tế quốc tế. D và S lần lượt là đường cầu và cung nội địa đối với hàng hóa X của nước nghiên cứu. S^M biểu diễn cung xuất khẩu hàng hóa X từ các nước thành viên, S^N là cung xuất khẩu hàng hóa X từ các nước phi thành viên. Ban đầu, giá trên thị trường nội địa của nước nhỏ này sẽ là P_0 , tại mức giá đó lượng cầu nội địa là D_0 , S_0 là lượng cung nội địa và $(D_0 - S_0)$ lượng nhập khẩu từ các nước phi thành viên. Sau khi FTA được thành lập, cân bằng mới trên thị trường sẽ là tại mức giá P_1 , D_1 là lượng tiêu dùng nội địa, các nhà sản xuất nội địa cung ứng S_1 , và $(D_1 - S_1)$ là lượng nhập khẩu, nhưng từ các nước thành viên.

Phần thặng dư tiêu dùng tăng lên được biểu diễn bởi $(a + b + c + d)$, thặng dư sản xuất giảm đi một phần tương ứng với diện tích a . Chính phủ sẽ mất đi khoản doanh thu từ thuế, được biểu diễn bởi diện tích $(c + e)$, vì giờ đây toàn bộ lượng nhập khẩu sẽ đến từ các nước thành viên và không chịu thuế. Tác động tạo lập thương mại là tam giác b và d . Diện tích b là lợi ích ròng từ việc cải thiện hiệu quả, những đơn vị X giữa S_0 và S_1 trước được sản xuất nội địa với chi phí cao nhưng nay đã được nhập khẩu ở mức chi phí thấp hơn. Diện tích d biểu diễn giá trị đối với người tiêu dùng cao hơn chi phí cơ hội của việc sản xuất đối với mỗi đơn vị được tiêu dùng thêm. Việc chuyển đổi nhập khẩu từ nguồn cung chi phí thấp sang nguồn cung chi phí cao chính là tác động chuyển hướng thương mại, được biểu diễn bởi diện tích e . Tác động tổng hợp đối với một

nước thành viên (trường hợp nước nhỏ) được xác định bởi tương quan giữa tác động tạo lập và chuyển hướng mậu dịch. Nếu tác động tạo lập thương mại vượt trội hơn tác động chuyển hướng, việc hội nhập sẽ làm tăng phúc lợi và ngược lại.

4. Đánh giá tác động của FTA bằng chỉ số thương mại

Theo ADB (2008, 109–134), hoạch định chính sách liên quan đến các FTA nên được bắt đầu và kết thúc bằng việc đánh giá tác động. Có rất nhiều phương pháp và công cụ khác nhau để đánh giá, và chúng thường có tính chất bổ sung cho nhau. Ở giai đoạn một FTA mới được hình thành, việc đánh giá chi phí và lợi ích tiềm năng của một FTA tương lai là điều kiện tiên quyết để xây dựng nên các mục tiêu của FTA, cũng như thông tin để tham vấn các bên liên quan, và vạch ra chiến lược đàm phán hiệu quả. Bài viết này sử dụng cách tiếp cận theo các chỉ số thương mại – thường là một tỷ số mô tả và đánh giá tình trạng của các luồng thương mại hoặc các mô hình thương mại của một nền kinh tế (Mikic & Gilbert, 2007) – để đưa ra những nhận định về tác động tiềm năng khi tham gia FTA. Nghiên cứu này sử dụng 2 chỉ số thương mại là Lợi thế so sánh hiện hữu (RCA) và Định hướng khu vực (RO).

4.1. Chỉ số lợi thế so sánh hiện hữu (RCA)

Lý thuyết thương mại quốc tế chỉ ra rằng lợi ích thương mại đến từ việc chuyên môn hóa vào ngành hàng mà quốc gia có lợi thế so sánh. Chỉ số RCA, được giới thiệu bởi Balassa (1965), được dùng để đánh giá lợi thế so sánh về một mặt hàng của một quốc gia. Công thức tính chỉ số RCA như sau:

$$RCA = 100 (X_{ij}/X_{wj}) / (X_{it}/X_{wt})$$

Trong đó: RCA là chỉ số lợi thế so sánh hiện hữu của mặt hàng i của nước j trong một thời kỳ nhất

định. X_{ij} là kim ngạch xuất khẩu mặt hàng i của nước j trong thời kỳ tương ứng, w - thế giới, t - tổng kim ngạch xuất khẩu toàn thế giới. Chỉ số RCA của một mặt hàng lớn hơn 1 nghĩa là quốc gia có lợi thế so sánh hiện hữu về mặt hàng đó, nhỏ hơn 1 nghĩa là quốc gia có bất lợi thế so sánh về mặt hàng đó.

4.2. Chỉ số định hướng khu vực (RO)

Chỉ số định hướng khu vực (RO) cho biết xuất khẩu sản phẩm của một nước có tập trung hướng về một khu vực cụ thể hơn các thị trường khác hay không. Công thức tính chỉ số RO như sau:

$$RO_{cgr} = [X_{cgr} / X_{cr}] / [X_{cg-r} / X_{c-r}]$$

Trong đó:

X_{cgr} = xuất khẩu hàng hóa g của nước c sang khu vực r ;

X_{cr} = tổng xuất khẩu của nước c sang khu vực r ;

X_{cg-r} = xuất khẩu hàng hóa g của nước c sang các nước ngoài khu vực r ;

X_{c-r} = tổng xuất khẩu của nước c sang các nước ngoài khu vực r .

Chỉ số RO tính toán cho một sản phẩm của một quốc gia về một khu vực có giá trị lớn hơn 1 nghĩa là sản phẩm này của quốc gia có định hướng xuất khẩu khu vực, nhỏ hơn 1 nghĩa là sản phẩm không có định hướng xuất khẩu khu vực.

4.3. Kết hợp chỉ số RCA và RO để đánh giá tác động FTA

Đối với từng ngành hàng, hai chỉ số này được tính toán và có thể sử dụng kết hợp với nhau để đánh giá tác động đối với ngành hàng đó khi có một hiệp định FTA được triển khai (tác động tạo lập thương mại, chuyển hướng thương mại...). Ma trận kết hợp hai chỉ số này được trình bày tại Hình 2.

Kết quả tính toán kết hợp 2 chỉ số cho từng ngành hàng sẽ xác định vị trí mỗi ngành hàng rơi vào một trong bốn góc phần tư với các ý nghĩa khác nhau về tác động của FTA như sau:

4.3.1. Tiềm năng lớn trong việc cải thiện phúc lợi – Góc phần tư thứ I ($RCA > 1$ và $RO < 1$)

Có hai chiều hướng về tác động của FTA như sau: (i) Đối với FTA đã được ký kết (như AFTA), quốc gia có thể đang không tận dụng được ưu đãi từ FTA này để hướng xuất khẩu mặt hàng này vào khu vực, ngay cả khi mặt hàng này quốc gia có lợi thế so sánh. Trường hợp này phản ánh hạn chế của một số FTA trong việc thúc đẩy thương mại nội khu vực. (ii) Đối với FTA mới được đề xuất hoặc đang trong quá trình đàm phán (như RCEP), đây có thể là tập hợp những mặt hàng mà quốc gia đang có lợi thế so sánh nhưng chưa xuất khẩu được nhiều sang khu vực. FTA cho khu vực này có thể sẽ làm thay đổi tình hình và thúc đẩy việc xuất khẩu của quốc gia về mặt hàng này định hướng sang các nước trong khu vực hơn, nhờ vào những ưu đãi từ FTA.

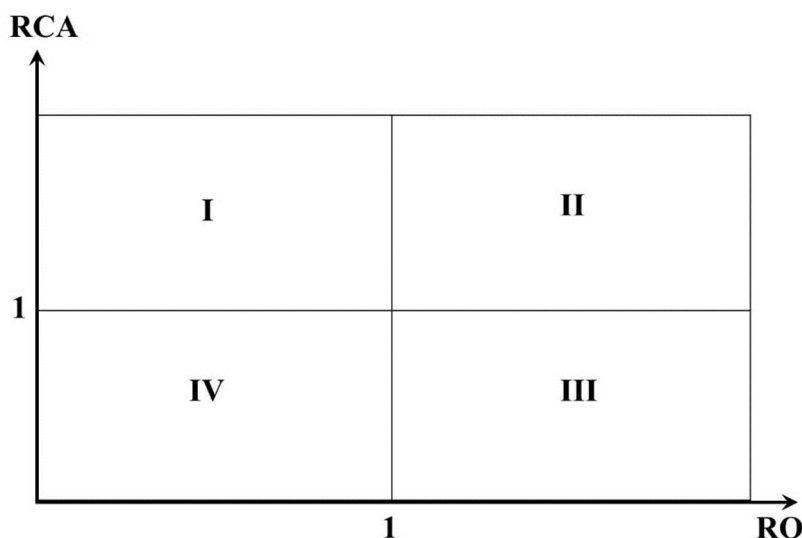
4.3.2. Tạo lập thương mại – Góc phần tư thứ II ($RCA > 1$ và $RO > 1$)

Quốc gia tham gia vào FTA sẽ có xu hướng thúc đẩy xuất khẩu từ quốc gia này sang khu vực chung FTA. Quốc gia có thể hưởng lợi từ tác động tạo lập thương mại, nói cách khác là có thể mở rộng việc xuất khẩu sang thị trường các nước thành viên cùng FTA.

4.3.3. Chuyển hướng thương mại – Góc phần tư thứ III ($RCA < 1$ và $RO > 1$)

Quốc gia vào FTA có thể gây ra tác động chuyển hướng thương mại, nghĩa là sản phẩm của quốc gia này xuất khẩu sang khu vực sẽ thay thế cho sản phẩm mà khu vực này nhập từ các nước không phải

Hình 2: Ma trận tác động của FTA dựa trên tính toán chỉ số RCA và RO



là thành viên của FTA.

4.3.4. Tiềm năng cải thiện phúc lợi – Góc phần tư thứ IV ($RCA < 1$ và $RO < 1$)

(i) Đối với một FTA đã được ký kết, gần như không có hi vọng cải thiện ngành sản xuất loại này bởi vì quốc gia vừa không có lợi thế so sánh, vừa không thể hướng xuất khẩu sang các thị trường của khu vực ngay cả khi đang được hưởng những ưu đãi từ FTA. (ii) Đối với một FTA mới được đề xuất, hoặc đang trong quá trình đàm phán, vẫn còn có hi vọng cho các mặt hàng trong nhóm này chuyển sang góc phần tư thứ III bằng việc đầu tư nhiều hơn và đàm phán các điều kiện thương mại ưu đãi thông qua FTA.

5. Tác động của hiệp định AFTA và RCEP đối với Việt Nam – phân tích cấp độ ngành

Trong nghiên cứu này, các chỉ số RCA và RO được tính toán cho các ngành hàng của Việt Nam ở cấp độ HS 2 chữ số trong vòng 4 năm từ 2010 đến 2013. Tất cả số liệu được lấy từ Trade Map (www.trademap.org) – một cơ sở dữ liệu thống kê thương mại quốc tế tương tác online được Trung tâm Thương mại Quốc tế (*International Trade Center* – ITC) phát triển. Dựa trên kết quả tính toán, các mặt hàng được sắp xếp vào 4 góc phần tư của ma trận Hình 2. Tính toán chỉ số RCA và RO theo khu vực ASEAN (đã ký kết AFTA) của các ngành hàng Việt Nam và sắp xếp vào ma trận ta được ma trận mới trình bày trong Hình 3.

5.1. Tác động tạo lập thương mại

Như trình đã trình bày, Góc phần tư thứ II là nơi

tập hợp những ngành hàng mà Việt Nam có lợi thế so sánh hiện hữu và có định hướng xuất khẩu vào khu vực ASEAN. Đó là các ngành như *Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được (07), Ngũ cốc (10), Các loại hàng dệt kim hoặc móc (60)*. Những ngành này đang phát huy được lợi thế so sánh và hưởng lợi từ tác động tạo lập thương mại khi hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

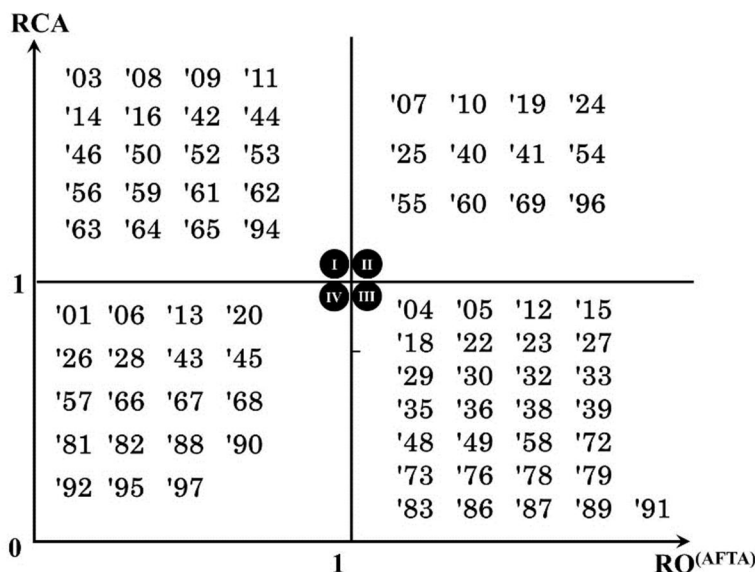
5.2. Tiềm năng lớn trong việc cải thiện phúc lợi

Tuy nhiên, một số lượng tương đối lớn các ngành hàng mặc dù có lợi thế so sánh nhưng vẫn chưa thu được lợi ích từ AFTA. Đó các những ngành có chỉ số RCA lớn hơn 1 nhưng RO tính cho khu vực AFTA nhỏ hơn 1. Ví dụ điển hình là *Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác (03), Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị (09), Giày, dép, ghê và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên (64)* – đây là những ngành có chỉ số RCA rất cao. Hàng hóa trong các ngành này dường như đang được xuất khẩu ra ngoài ASEAN, hơn là hướng vào khu vực này. Số lượng các ngành xuất hiện tại góc phần tư này tương đối lớn phần nào phản ánh mức độ hội nhập của ASEAN còn chưa thực sự sâu, chưa tạo nhiều điều kiện thuận lợi để thúc đẩy thương mại trong nội khu vực Đông Nam Á.

5.3. Tác động chuyển hướng thương mại

Đáng chú ý là Góc phần tư thứ III có mật độ xuất hiện các ngành hàng dày đặc nhất, phản ánh lợi ích từ tác động chuyển hướng thương mại do việc hội nhập khu vực đem lại đối với các ngành hàng của

Hình 3: Ma trận các ngành hàng của Việt Nam cấp độ 2 chữ số HS dựa trên chỉ số RCA của Việt Nam và chỉ số RO theo khu vực AFTA



Nguồn: Tổng hợp của các tác giả từ cơ sở dữ liệu Trade Map

Việt Nam. Ngay cả khi những ngành hàng này chưa có lợi thế so sánh hiện hữu, xuất khẩu vẫn hướng tập trung vào thị trường Đông Nam Á, thay thế cho hàng hóa tương tự từ những nước xuất khẩu không phải là thành viên của AFTA, nhờ vào những điều kiện thuận lợi và ưu đãi cho AFTA mang lại.

Hình 4 là ma trận sắp xếp các ngành hàng 2 chữ số HS của Việt Nam dựa trên tính toán chỉ số RCA của Việt Nam và chỉ số RO tính theo khu vực ASEAN + 6 (đang đàm phán RCEP), trong tương quan so sánh với kết quả tính toán RO theo khu vực ASEAN. Tại mỗi góc phần tư của ma trận, vòng tròn nét liền biểu diễn tập hợp các ngành hàng được sắp xếp dựa trên kết quả tính toán chỉ số thương mại xét theo khu vực ASEAN, vòng tròn nét đứt biểu diễn tập hợp các ngành hàng được sắp xếp vào ma trận dựa trên kết quả tính toán chỉ số thương mại xét theo khu vực ASEAN + 6.

Hình 4 cho thấy RCEP có triển vọng là một khuôn khổ hội nhập kinh tế nhiều lợi ích hơn AFTA khi có nhiều ngành hàng có các chỉ số thương mại được cải thiện và xuất hiện ở vị trí thuận lợi hơn trong ma trận khi chuyển bối cảnh hội nhập khu vực từ AFTA sang RCEP. Góc phần tư thứ II và thứ III lần lượt được nhìn nhận là những vị trí tốt hơn so với góc phần tư thứ I và thứ IV trong ma trận. Số lượng các ngành hàng xuất hiện ở các góc phần tư thứ II và III trong bối cảnh RCEP nhiều hơn so với tính toán và sắp xếp theo AFTA, đồng thời số lượng

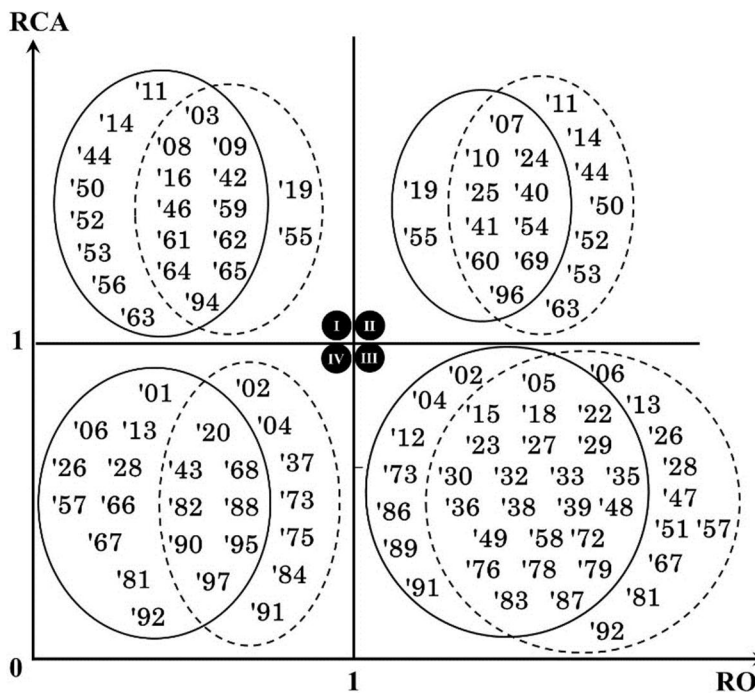
các ngành nằm trong các vị trí góc phần tư thứ I và thứ IV nằm trong tập hợp vòng tròn nét đứt (RCEP) cũng ít hơn so với tập hợp vòng tròn nét liền (AFTA) tại các góc phần tư này.

Điều này có nghĩa là lợi ích từ các tác động tạo lập và chuyển hướng thương mại đối với Việt Nam do RCEP mang lại còn lớn hơn do AFTA mang lại. RCEP là một thị trường rộng lớn hơn (ngoài 10 nước Đông Nam Á, còn có ít nhất 6 nước đối tác), vì thế Việt Nam có thể tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu bằng cách tận dụng lợi thế so sánh hiện hữu của mình, cũng như các ưu đãi và thuận lợi từ một FTA toàn diện hơn. Đồng thời, sẽ có nhiều ngành hàng xuất khẩu từ Việt Nam có thể thay thế cho các nước xuất khẩu không phải thành viên RCEP.

5.4. Tác động động khi chuyển dịch từ hội nhập AFTA sang RCEP

Một số ngành hàng có lợi thế so sánh hiện hữu chuyển từ Góc phần tư thứ I sang Góc phần tư thứ II khi chuyển từ bối cảnh AFTA sang RCEP, tương ứng với việc xuất khẩu của những ngành này từ chỗ không định hướng vào ASEAN ($RO^{AFTA} < 1$), trở nên có xu hướng định hướng vào ASEAN + 6 ($RO^{RCEP} > 1$). Điều này gợi ý rằng một FTA với 6 đối tác của ASEAN sẽ mở ra một thị trường rộng lớn và tiềm năng hơn cho các mặt hàng mà Việt Nam đang có lợi thế. Đại diện cho nhóm này có *Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì (11)*,

Hình 4: Ma trận các ngành hàng cấp độ 2 chữ số HS dựa trên chỉ số RCA của Việt Nam và chỉ số RO – So sánh giữa ASEAN (AFTA đang thực thi) và ASEAN+ 6 (RCEP đang đàm phán)



Nguồn: Tổng hợp của các tác giả từ cơ sở dữ liệu Trade Map

Vật liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (14), Xơ dệt gốc thực vật khác; sợi giấy và vải dệt thoi từ sợi giấy (53). Sự chuyển dịch này còn cho thấy rằng một số lượng tương đối lớn các ngành của Việt Nam có thể tận dụng ưu đãi từ RCEP và hưởng lợi ích từ tác động tạo lập thương mại khi hiệp định này được ký kết. Đây là nhóm ngành cần được thông báo tình hình đàm phán để có thể chuẩn bị sẵn sàng cho việc tối đa hóa lợi ích thu được từ RCEP.

Đối với những ngành hàng mà Việt Nam chưa có lợi thế so sánh hiện hữu, một số đang nằm trong vị trí “không còn hi vọng” trong bối cảnh AFTA thì nay xuất hiện hi vọng trong bối cảnh RCEP. Đây là những ngành theo kết quả tính toán sẽ chuyển từ Góc phần tư thứ IV sang Góc phần tư thứ III của ma trận nếu bối cảnh chuyển từ AFTA sang RCEP. Những ngành hàng như *Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và loại tương tự; cành hoa và cành lá trang trí (06), Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật khác (13), Thảo và các loại hàng dệt trái sản khác (57)*, có thể sẽ hưởng lợi ích từ tác động chuyển hướng thương mại khi có RCEP, thậm chí ngay cả khi chưa có lợi thế so sánh hiện hữu cũng như chưa định hướng xuất khẩu AFTA. Hiện tượng này phần nào có thể lý giải là do RCEP triển vọng mang tới những điều kiện thương mại tự do hơn cùng nhiều ưu đãi hơn nên hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sẽ định hướng khu vực hơn ngay cả khi chưa đạt được lợi thế so sánh hiện hữu. Để có thể thu được nhiều lợi ích hơn, Việt Nam cần xem xét những ngành hàng nằm trong nhóm này để có thể đầu tư thêm nguồn lực vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh.

6. Hàm ý chính sách và kết luận

Nghiên cứu tập trung phân tích tác động của AFTA và RCEP đối với các ngành hàng của Việt Nam, với một lưu ý là AFTA đã tồn tại một khoảng thời gian hơn 20 năm nay, trong khi RCEP vẫn đang còn trong quá trình đàm phán, cũng vì thế mà phân tích chính sách chủ yếu tập trung vào tác động tiềm

năng của RCEP với AFTA là tham chiếu. Tính toán cho ra một danh mục những mặt hàng mà Việt Nam có khả năng hưởng lợi từ tác động tạo lập thương mại chỉ khi Việt Nam tham gia RCEP (mà không đi cùng với AFTA), như các ngành 11, 14, 44, 50 52, 53, 63. Đây là những ngành hàng mà Việt Nam đã có lợi thế so sánh. Đàm phán thành công RCEP sẽ hiện thực hóa tác động tạo lập thương mại. Những ngành hàng như 19 (*Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sira; các loại bánh*) và 55 (*Xơ sợi staple nhân tạo*) là những ngành Việt Nam hiện đang có lợi thế so sánh nhưng vẫn chưa có được vị trí tốt trên thị trường RCEP. Nếu được quan tâm thích đáng và đầu tư chiến lược, hàng hóa của những ngành này sẽ có khả năng thâm nhập thị trường RCEP và mang lại lợi ích từ tạo lập thương mại, từ đó cải thiện phúc lợi chung của Việt Nam.

Các nguồn đầu tư cả công lẫn tư nên xem xét những ngành hàng trên như một mục tiêu để đạt được lợi ích đáng kể từ RCEP. Việc phát triển những ngành sản xuất này hiển nhiên còn liên quan đến những cam kết thương mại quan trọng đã hình thành hoặc sắp hình thành trong các hiệp định thương mại khác như Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược Xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)... Do đó, các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành này hoặc liên quan đến ngành này cần chú ý tới diễn biến đàm phán RCEP cũng như kết quả từ các hiệp định thương mại mới được ký kết, để có thể chuẩn bị tốt nhất cho việc chủ động được xuất khẩu hàng hóa của mình sang thị trường RCEP, tận dụng triệt để những ưu đãi từ hiệp định này.

Phương pháp sử dụng kết hợp chỉ số RCA và RO để đánh giá tác động FTA khá thuận tiện, dễ tính toán, và đưa tới những hàm ý chính sách khá hữu ích. Tuy nhiên, một trong những hạn chế của phương pháp này là ma trận kết hợp chỉ số thương mại như trình bày ở trên không biểu hiện được tất cả các ngành hàng ở cấp độ HS 2 chữ số. Những ngành hàng vắng mặt trong ma trận này do không thể sắp

Bảng 1: Ví dụ các ngành hàng không đánh giá được tác động bằng phương pháp này

Mã HS	Mô tả	Chỉ số RCA của Việt Nam				Chỉ số RO (khu vực ASEAN)				Chỉ số RO (khu vực ASEAN+6)			
		2010	2011	2012	2013	2010	2011	2012	2013	2010	2011	2012	2013
78	Chỉ và các sản phẩm bằng chì	0.56	0.54	0.90	0.95	18.48	0.59	1.11	2.79	103.70	12.71	7.38	37.26
85	Thiết bị điện, điện tử	0.75	1.12	1.64	1.98	1.00	0.91	0.97	1.06	1.74	0.95	0.79	0.79

xếp được vào góc phần tư nào của ma trận khi chỉ số RCA có giá trị dao động trong khoảng thời gian nghiên cứu, khi thì có giá trị lớn hơn 1, khi lại có giá trị nhỏ hơn 1. Trong số những mặt hàng thuộc nhóm này, đáng chú ý nhất là 78 và 85:

Đối với trường hợp *Chì và các sản phẩm bằng chì* (78), ngành này chưa có lợi thế so sánh hiện hữu nhưng xuất khẩu lại có định hướng khu vực tương đối rõ, cả ASEAN lẫn ASEAN+6. Ngành này đang dần thể hiện lợi thế so sánh (chỉ RCA tăng dần qua các năm và rất sát với giá trị 1), có khả năng sẽ hưởng lợi từ tác động chuyển hướng thương mại từ AFTA và cả RCEP trong tương lai. Nhiều khả năng, ngành này có thể cải thiện khả năng cạnh tranh và có được lợi thế so sánh hiện hữu trong một tương lai không xa, thông

qua việc tận dụng các ưu đãi từ FTA.

Đối với trường hợp *Thiết bị điện, điện tử* (85), đây là ngành hàng luôn đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, ít nhất là trong khoảng thời gian 4 năm từ 2010 đến 2013. Ngành xuất khẩu quan trọng này có chỉ số RCA liên tục tăng qua các năm từ chỗ thấp hơn 1 đến cao hơn 1. Tuy nhiên, chỉ số RO lại duy trì ở mức thấp và chủ yếu thấp hơn 1, nhất là trong bối cảnh RCEP. Điều này có thể lý giải là ngành này tương đối có tiềm năng cạnh tranh nhưng vẫn chưa định hướng xuất khẩu vào các khu vực ASEAN hay ASEAN+6. Để phát huy lợi thế so sánh của ngành này, Việt Nam nên cân nhắc thêm các hiệp định thương mại khu vực khác, hơn là chỉ dựa vào AFTA hay RCEP. □

Lời thừa nhận/cảm ơn: Nghiên cứu này nằm trong đề tài mã số II4.1-2013.15, do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) tài trợ

Tài liệu tham khảo

- Asian Development Bank (ADB) (2008), *How to Design, Negotiate, and Implement a Free Trade Agreement in Asia*, Manila.
- Balassa, B. (1965), 'Trade Liberalization and Revealed Comparative Advantage', *The Manchester School of Economic and Social Studies*, 33, 99-123.
- Kimura Fukunari (2010), 'Economic integration in extended East Asia: toward a new trade regime', In Gaston, Noel & Khalid, Ahmed M. (eds), *Globalization and Economic Integration: Winners and Losers in the Asia-Pacific*, Edward Elgar Publishing Limited, United Kingdom.
- Medalla, Erlinda M. (2011), *Taking Stock of the ROOs in the ASEAN+1 FTAs: Toward Deepening East Asia Integration*, paper prepared for ERIA project 'Comprehensive Mapping of FTAs in ASEAN and East Asia.'
- Mikic, M. & Gilbert, J. (2007), *Trade Statistics In Policymaking—A Handbook Of Commonly Used Trade Indices And Indicators*, Studies in Trade and Investment, Trade Policy Section, Trade and Investment Division, UNESCAP.
- Plummer, M., Cheong, D. & Hamanaka, S. (2010), *Methodology for impact assessment of free trade agreements*, Publication Stock Number RPT102843, Asian Development Bank, Mandaluyong City, Philippines.
- Viner, J. (1950), *The Customs Union Issue*, Carnegie Endowment for International Peace, New York.
- World Economic Forum (WEF) (2014), *Mega-regional Trade Agreements: Game-Changers or Costly Distractions for the World Trading System*, A report from Global Agenda Council on Trade & Foreign Direct Investment.

Thông tin tác giả:

***Tìr Thúy Anh**, Phó giáo sư, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế Quốc tế, Đại học Ngoại thương

- Địa chỉ Email: thuyanh.tu@ftu.edu.vn

****Lê Minh Ngọc**** Thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế Quốc tế, Đại học Ngoại thương

- Địa chỉ Email: leminhngoclmn@gmail.com